

Bản án số: 567/2024/DS-ST

Ngày: 29-8-2024

V/v “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hữu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Ông Võ Văn Tốt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thiện Quang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 595/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 871/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1179/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Đâu Việt Hoàng/Nguyễn Trọng N – chức vụ: Nhân viên ngân hàng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Quốc H. (vắng mặt)

Địa chỉ: phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 10 năm 2023, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** do ông **Trương Đâu Việt H1** làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 21/11/2022 ông **Phạm Quốc H** có ký với **Ngân hàng TMCP S** Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (loại Visa Platinum Cashback), hạn mức được cấp sử dụng 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiêu dùng cá nhân; số thẻ 3498277023. Ông **H** đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 123.326.713đ (một trăm hai mươi ba triệu ba trăm hai mươi sáu bảy trăm mười ba đồng), quá trình sử dụng thẻ ông **H** đã thanh toán được 90.069.410đ (chín mươi triệu không trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm mười đồng). Tuy nhiên từ đó tạm tính đến ngày 29/8/2024 ông **H** vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền chưa thanh toán dù nguyên đơn đã nhiều lần thông báo nhắc nợ là: Gốc 33.257.303đ và lãi quá hạn 17.375.512đ, tổng cộng: 50.632.815đ (năm mươi triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn tám trăm mười lăm đồng). Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả dứt số tiền này và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/8/2024 đến ngày trả xong các khoản nợ.

Bị đơn ông **Phạm Quốc H** vắng mặt không rõ lý do dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **H1** cũng không bổ sung gì thêm.

Sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án đã tiến hành điều tra, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và mở phiên tòa xét xử hôm nay.

Bị đơn ông **Phạm Quốc H** đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ vào các ngày 31/7/2024 và ngày 29/8/2024 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án căn cứ Điểm b, Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà **A**.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có làm đơn xin xét xử vắng mặt các phiên tòa đã được triệu tập do bận công việc nên Tòa án căn cứ Điểm a, Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Hội thẩm nhân dân dự khuyết thay thế cho hội thẩm nhân dân ông **Trương Quốc T** và bà **Nguyễn Thị T1** do bận việc không tham gia xét xử được theo quy định tại Điều 226 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là: Bà **Nguyễn Thị Kim L** và ông **Võ Văn T2**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của hội đồng xét xử, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có nơi cư trú tại Quận A nên căn cứ vào Điểm a, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trên cơ sở căn cứ vào lời tự khai của đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Có đủ cơ sở để khẳng định bị đơn ông Phạm Quốc H vào ngày 21/11/2022 có ký với nguyên đơn Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (loại Visa Platinum Cashback), hạn mức được cấp sử dụng 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), số thẻ 3498277023 để tiêu dùng cá nhân là sự kiện pháp lý có thật. Cho nên, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng này có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật.

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy yêu cầu và phạm vi khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/8/2024 là: Gốc 33.257.303đ và lãi quá hạn 17.375.512đ, tổng cộng: 50.632.815đ (năm mươi triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn tám trăm mười lăm đồng) (theo Bản tự khai ngày 29/8/2024 và B tóm tắt sao kê chi tiết tính lãi tiền vay quá hạn in ngày 29/8/2024) đối với khách hàng vay là ông Phạm Quốc H) là có căn cứ, phù hợp với lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: $5\% \times 50.632.815đ = 2.531.641đ$ (hai triệu năm trăm ba mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi một đồng) ông H phải nộp.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tại phiên tòa hôm nay: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán mặc dù có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng Hội đồng xét xử vẫn đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; phía nguyên đơn đều chấp hành tốt các quy định pháp luật, trừ trường hợp của ông H là không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định pháp

luật. Có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S**, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147, 238, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S**.

1. Buộc bị đơn ông **Phạm Quốc H** thanh toán cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/8/2024 là: Gốc 33.257.303đ và lãi quá hạn 17.375.512đ, tổng cộng: 50.632.815đ (năm mươi triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn tám trăm mười lăm đồng). Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn (khách hàng vay) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay (nguyên đơn) thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm 2.531.641đ (hai triệu năm trăm ba mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi một đồng) ông **H** phải nộp. **H2** lại cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** số tiền 917.072đ (chín trăm mười bảy ngàn không trăm bảy mươi hai đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0030880 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Thi hành án Dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Hữu Hạnh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

595-DSST-24.10.23 2AAKKX
Σ*φφηβχ
α+

NGÂN HÀNG TMCP
SÀI GÒN THƯƠNG TÍN